

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô Xuân Dệt;

2. Bà: Lê Thị Thanh C;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST- HS, ngày 08 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HS ngày 05/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐHPT-TA, ngày 25/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/HSST-QĐ ngày 05/6/2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Minh T (tên gọi khác Lý Ngọng), sinh năm 1992, tại Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh GL; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không; con ông: Trần Minh V, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm 1967; Vợ là Phạm Thị Tr (đã ly hôn); con: 01 con (sinh năm 2016); tiền sự: Không; có hai tiền án: Ngày 13/11/2011, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm 06 tháng tù, về tội: “*Cướp tài sản*” (theo qU định tại điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 74/2011/HSST; chấp hành án tại Trại giam Gia Tr, Bộ Công an. Ngày 30/12/2014, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 28/4/2017, bị Tòa án nhân dân TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo qU định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009), tại Bản án số 49/2017/HSST; chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước, Bộ Công an. Ngày 16/6/2018, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo Trần Minh T bị tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku cho đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Trần Đại P (tên gọi khác Cu), sinh năm 1995, tại Gia Lai. Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 15, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; nghề

nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Không; con ông: Trần Đình D, sinh năm 1966 và bà: NgUễn Thị Mỹ Nhung, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Trần Đại P bị tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku cho đến nay, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

1/Anh Phạm Bắc Tr, sinh năm 1989. Địa chỉ: Phòng 17.4; Chung cư H, tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh GL. (Vắng mặt);

2/Anh NgUễn Thành P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tầng 14, số nhà 14.4, Chung cư H, tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh GL. (Vắng mặt);

3/ Anh NgUễn Kiên C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Chung cư H, tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh GL. (Vắng mặt);

4/ Chị Đoàn Thị Mai P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, Chung cư H, tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh GL. (Vắng mặt);

5/ Chị Trịnh Thị Kiều Tr, sinh năm 1995. Địa chỉ: 151 Lê Chân, Tổ 10, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt);

6/ Chị Trần Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Làng Plei Ôp, phường H Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt);

7/ Bà NgUễn Thị Hồng H, sinh năm 1964. Địa chỉ: 53 Lê Văn Sỹ, tổ 9, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt);

8/ Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tầng 5, phòng 4, Chung cư H, tổ 03, phường D, thành phố P, tỉnh GL. (Vắng mặt);

9/ Chị NgUễn Thị H và anh Lê Thiện B - Địa chỉ: Tổ 8, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt);

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Đình D, sinh năm 1966. Địa chỉ: 54/27/60 Sư Vạn H, tổ 3, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt);

2/ Chị NgUễn Thị Mộng L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh GL. (Có mặt);

3/Anh NgUễn Thanh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 279 NgUễn Tất Thành, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt);

4/Anh NgUễn Vũ Quốc U, sinh năm 1979. Địa chỉ: 526 Lê Đại Hành, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T, Trần Đại P có quan hệ quen biết nhau và cùng có sử dụng ma túy. Trong thời gian từ ngày 02/9/2018 đến ngày 09/4/2019, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 02/9/2018, Trần Minh T rủ Trần Đại P đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô

nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 81F1-9568 chở T đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, đường Hoàng Văn Thụ, Tổ 03, phường Diên Hồng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, cả hai đi thang máy lên tầng 17, thì P hiện căn hộ số 04 khóa cửa ngoài và không có người trông coi; đây là căn hộ của anh Phạm Bắc Tr. P đứng ngoài cánh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ của anh Tr, trộm cắp 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, Core i5, 15.6 inch. Máy tích xách tay trộm cắp được, sau đó cả hai mang đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới (số 279 đường Nguyễn Tất Thành, phường Phù Đồng, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai) bán cho ông Nguyễn Thanh T được 2.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Sau khi mua máy tính xách tay nêu trên, ông T đã bán lại cho người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, máy tính xách tay hiệu Acer, Core i5, 15.6 inch của anh Phạm Bắc Tr có trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 13/9/2018, Trần Đại P rủ Trần Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 81F1-9568 chở T đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như lần trước, P đứng ngoài cánh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ số 04, tầng 14 của anh Nguyễn Thành P, trộm cắp 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire 4736, Core 2 Duo, 14 inch, màu đen; 01 (một) đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu NEOs, loại N40577M; 01 (một) điện thoại Nokia 1280, màn hình đen trắng. Sau đó, cả hai mang máy tính xách tay và điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới, bán cho ông Nguyễn Thanh T được 2.100.000 đồng (trong đó, máy tính xách tay bán được 2.000.000 đồng và điện thoại bán được 100.000 đồng). T giữ lại 1.100.000 đồng, chia cho P 1.000.000 đồng và chiếc đồng hồ hiệu NEOs. Sau đó, P mang đồng hồ nêu trên đổi cho đối tượng tên Quẹo (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) để lấy ma túy sử dụng. Sau khi mua máy tính xách tay và điện thoại nêu trên, ông T đã bán lại cho người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; chiếc đồng hồ hiệu NEOs cũng không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, các tài sản của anh Nguyễn Thành P có trị giá như sau: Máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire 4736, Core 2 Duo, 14 inch, màu đen trị giá 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); đồng hồ đeo tay nam nhãn hiệu NEOs, loại N40577M trị giá 170.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng); điện thoại di động Nokia 1280, màn hình đen trắng trị giá là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 22 giờ ngày 22/9/2018, Trần Đại P rủ Trần Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 81F1-9568 chở Trần Minh T đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như các lần trước, P đứng ngoài cánh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ số 04, tầng 09 của ông Nguyễn Kiên C (sinh năm 1981, trú Tổ 8, phường Hội Thương, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai) trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime (G610F) màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Philip E106 màu đỏ và 170.000 đồng (một trăm

bảy mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau đó, cả hai mang các điện thoại vừa trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới bán cho ông NgUễn Thanh T được 1.800.000 đồng (trong đó, điện thoại Samsung bán được 1.700.000 đồng, điện thoại Philip bán được 100.000 đồng). Số tiền bán điện thoại và tiền trộm cắp được, T, P chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Sau khi mua các điện thoại nêu trên, ông T đã bán lại cho người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, các điện thoại di động của ông NgUễn Kiên C có trị giá như sau: Điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime trị giá 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), điện thoại Philip E106 trị giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 20 giờ ngày 25/12/2018, Trần Đại P rủ Trần Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 81F1-9568 chở Trần Minh T đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như các lần trước, P đứng ngoài cánh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ số 04, tầng 12 của bà Đoàn Thị Mai P (sinh năm 1981, trú Tổ 05, phường Trà Bá, TP.Pleiku) trộm cắp 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vio dòng E, core i3, 14 inch, màu đen. Máy tính trộm cắp được, sau đó cả hai mang đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới, bán cho ông NgUễn Thanh T được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Sau khi mua máy tính xách tay nêu trên, ông T đã bán lại cho người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vio dòng E, core i3, 14 inch, màu đen của bà Đoàn Thị Mai P có trị giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 14 giờ ngày 14/3/2019, Trần Minh T rủ Trần Đại P đi trộm cắp tài sản, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đỏ-đen, biển số 81N5-6603 chở T đi dạo trên địa bàn phường Yên Thế, TP.Pleiku, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà chị Trịnh Thị Kiều Tr (sinh năm 1995, ở số 151 đường Lê Chân, Tổ 10, phường Yên Thế, TP.Pleiku), cả hai P hiện cửa nhà khóa ngoài, nhưng không khóa cổng và không có người trông coi. P điều khiển xe mô tô vào dựng tại hành Lg bên hông nhà rồi đứng cạnh giới, để T nhặt cây gỗ dài khoảng 50cm cạy phá cửa sổ, đột nhập vào trong nhà trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37 FW, màu hồng; 01 (một) máy tính xách tay hiệu Asus, loại X541UA, core i3, 15.6 inch, màu xám; 01 (một) máy tính xách tay hiệu Asus, core i3, 14 inch, màu đen; 01 (một) còng đeo tay, loại vàng NT610, trọng lượng 2 chỉ 07 phân; 01 (một) lắc kiểu đeo tay, loại vàng MT610, trọng lượng 1 chỉ 89 phân. Sau đó, cả hai mang 02 máy tính xách tay và điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới, bán cho ông NgUễn Thanh T được 2.500.000 đồng (trong đó, máy tính hiệu Asus màu xám bán được 2.000.000 đồng, điện thoại OPPO bán được 500.000 đồng); riêng máy tính xách tay hiệu Asus màu đen, do đã bị hỏng không bán được, nên T đem vứt ở đường Phù Đồng, TP.Pleiku nhưng không nhớ rõ vị trí. Còng và lắc đeo tay bằng vàng, T bán cho một hiệu vàng trên đường Hùng Vương, TP.Pleiku nhưng không nhớ rõ địa điểm, được 5.000.000 đồng. Số tiền

có được từ việc bán tài sản trộm cắp, T, P chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được các tài sản T và P đã trộm cắp nêu trên.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt các tài sản của chị Trịnh Thị Kiều Tr có trị giá như sau: 01 (một) vòng đeo tay oval đá màu, loại vàng NT610, trọng lượng 02 chỉ 07 phân, trị giá 4.968.000 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng); 01 (một) lắc đeo tay, loại vàng MT610, trọng lượng 01 chỉ 89 phân, trị giá 4.536.000 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37 FW, màu hồng, trị giá 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu đen, loại X541UA, màn hình 15.6 inch, core i3, trị giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng); máy tính xách tay nhãn hiệu Asus màu đen, loại X454LA, màn hình 14 inch, core i5, trị giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 15 giờ ngày 20/3/2019, Trần Đại P rủ Trần Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 81N5-6603 chở Trần Đại P đi dạo trên địa bàn phường H Lư, TP.Pleiku để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà bà Trần Thị H (sinh năm 1975, ở làng Plei Ôp), cả hai P hiện cửa khóa ngoài và không có người trông coi. T và P trèo qua cây mít phía sau nhà bà H để vào trong sân sau; tiếp đó, T đập vỡ kính và cạy bung thanh sắt khung cửa thông gió, để cả hai đột nhập vào trong nhà lục tìm và trộm cắp được 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền trộm cắp được, cả hai đã chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết.

Vụ thứ bảy: Khoảng 13 giờ ngày 23/3/2019, Trần Minh T rủ Trần Đại P đi trộm cắp tài sản, P đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô 81F1-9568, chở T đi dạo trên địa bàn phường Yên Thế, TP.Pleiku để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà bà NgUễn Thị Hồng H (sinh năm 1964, ở số 53 đường Lê Văn Sỹ, Tổ 9, phường Yên Thế), cả hai P hiện cửa khóa ngoài và không có người trông coi. P đứng ở vườn cà phê bên cạnh cánh giới, để T mở cửa sổ đột nhập vào trong nhà bà H trộm cắp 01 (một) đầu thu camera an ninh, hiệu Dahua, 16 kênh; 01 (một) ổ cứng lưu dữ liệu (đặt bên trong đầu thu camera), hiệu Seagate 4TB; 01 (một) máy tính xách tay hiệu Dell, màu đen, core i5, màn hình 14 inch. Trên đường quay về, T đã vứt bỏ đầu thu camera an ninh, nhưng không nhớ địa điểm vứt; máy tính xách tay cả hai mang đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới bán cho ông NgUễn Thanh T được 500.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Sau khi mua máy tính xách tay nêu trên, ông T đã bán lại cho người khác (không xác định được họ tên, địa chỉ), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra vụ án, ngoài các tài sản Trần Minh T và Trần Đại P khai đã chiếm đoạt như nêu trên, bà NgUễn Thị Hồng H khai còn bị mất 01 (một) ba lô đựng máy tính xách tay; 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei và 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. TU nhiên, T và P đều không thừa nhận có trộm cắp các tài sản như bà H khai nêu trên. Qua điều tra, ngoài lời khai của bà H, T và P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không thu thập được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh, nên

không đủ cơ sở kết luận T và P đã chiếm đoạt ba lô đựng máy tính, điện thoại hiệu Huawei và 5.000.000 đồng như bà H khai.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt các tài sản của bà NgUễn Thị Hồng H có trị giá như sau: Máy tính xách tay hiệu Dell, màu đen, core i5, màn hình 14 inch, trị giá 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng); đầu thu camera an ninh, hiệu Dahua, 16 kênh, trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); ổ cứng lưu trữ dữ liệu trị giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Vụ thứ tám: Khoảng 18 giờ ngày 04/04/2019, Trần Đại P rủ Trần Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô 81F1-9568 chở T đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như các lần trước, P đứng ngoài cảnh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ số 04, tầng 05 của bà Đặng Thị Kim C (sinh năm 1980) trộm cắp 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền trộm cắp được, cả hai đã chia nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết.

Vụ thứ chín: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/4/2019, Trần Minh T rủ Trần Đại P đi trộm cắp tài sản, P đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô 81F1-9568 chở Trần Đại P đến Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Với thủ đoạn như các lần trước, P đứng ngoài cảnh giới, để T trèo qua cửa thông gió đột nhập vào trong căn hộ số 04, tầng 14 của anh NgUễn Thành P (sinh năm 1988, trú Tổ 3, phường IaKring, TP.Pleiku) trộm cắp 01 (một) máy tính xách tay hiệu ASUS màu đen, core i5, số serial C3N0AS165304103 và 01 (một) đồng hồ đeo tay nữ màu vàng đồng, hiệu NEOs, loại N-30869L. Sau đó, cả hai mang máy tính xách tay đến cửa hàng điện thoại T Thế Giới bán cho ông NgUễn Thanh T được 2.500.000 đồng, chia nhau tiêu xài. Chiếc đồng hồ hiệu NEOs, P mang đổi cho đối tượng tên Queo để lấy ma túy sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được các tài sản T và P đã trộm cắp nêu trên.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt các tài sản của anh NgUễn Thành P có trị giá như sau: Máy tính xách tay hiệu ASUS màu đen, core i5, số serial C3N0AS165304103, trị giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng); đồng hồ nữ hiệu hiệu NEOs, loại N-30869L, trị giá 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ mười: Khoảng 20 giờ ngày 09/4/2019, khi đang cùng đi bộ trên đường Phù Đồng hướng về đường Cách mạng tháng Tám, phường H Lư, TP.Pleiku, Trần Đại P P hiện quán cà phê Thúy Hằng (ở Tổ 08, phường Phù Đồng, TP.Pleiku) khóa cửa ngoài và không có người trông coi, nên rủ Trần Minh T đột nhập vào trong trộm cắp tài sản; đây là quán của chị NgUễn Thị H (sinh năm 1995). Sau đó, P đứng phía trước cảnh giới, để T đi vòng ra bên hông nhà cây gỗ cạy phá cửa sổ phòng ngủ của chị H, đột nhập vào bên trong; thấy có chiếc tước-nơ-vít để trên bàn, nên T lấy và dùng cạy phá hộc tủ nhỏ bên trong tủ quần áo, trộm cắp 02 (hai) kiềng đeo cổ bằng vàng, 02 (hai) lắc đeo tay bằng vàng, 01 (một) dây chuyền bằng vàng, 19 (mười chín) chiếc nhẫn tròn bằng vàng, 01 (một) đôi H tai bằng vàng và 01 (một) ví da. Khi ra ngoài, T chia cho P 01 (một) kiềng đeo cổ; số tài sản còn lại T cất giữ. Sau đó, cả hai đi xe taxi đến đường NgUễn Tất Thành, TP.Pleiku (không nhớ rõ địa điểm) thế chấp dây

chUần được 1.500.000 đồng, rồi cùng nhau đi thuê phòng khách sạn ngủ. Khoảng 07 giờ ngày 10/04/2019, P đi xe taxi đến hiệu vàng P TH (ở số 526 đường Lê Đại Hành, phường Yên Thế, TP.Pleiku), bán chiếc kiềng đeo cổ bằng vàng cho ông NgUễn Vũ Quốc U (sinh năm 1979, là chủ hiệu vàng) được 6.000.000 đồng, sử dụng tiêu xài. Số nữ Tr vàng còn lại, T mang bán rải rác tại các hiệu vàng trên địa bàn hUện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai nhưng không nhớ rõ tên, địa điểm, được khoảng hơn 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Số tiền bán nữ Tr vàng mà có, T, P cùng nhau tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Sau khi mua kiềng đeo cổ bằng vàng do P mang đến bán, ông U đã bán lại cho khách hàng khác, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được; số nữ Tr vàng còn lại do T bán, Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt các tài sản của chị NgUễn Thị H có trị giá như sau: 01 (một) ví da trị giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng); 01 (một) sợi dây chUần bằng vàng 18K, dạng mắt xích, trọng lượng 04 chỉ, mặt sợi dây chUần có gắn hạt đá màu đỏ, trị giá 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) kiềng đeo cổ bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ, trị giá 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng); 01 (một) kiềng đeo cổ bằng vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ, trị giá 17.250.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); 02 (hai) lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ/01 lắc, trị giá 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng); 01 (một) đôi H tai bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ/02 chiếc, trị giá 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); 04 (bốn) nhẫn tròn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ/01 chiếc, trị giá 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng); 15 (mười lăm) nhẫn tròn trơn bằng vàng 24K, trọng lượng 0.5 chỉ/01 chiếc, trị giá 25.875.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 62/CTr-VKS, ngày 07/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã trU tố bị cáo: Trần Minh T về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo các điểm c và g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Đại P về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng đã trU tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ qUền công tố vẫn giữ ngUên quan điểm trU tố đối với các bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Về hình phạt:

+ Áp dụng các điểm c, g Khoản 2 Điều 173; Điều 50; Điều 38, Điều 58 điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Minh T từ: 5(năm) năm đến 5(năm) 6(sáu) tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; Điều 50; Điều 38, Điều 58 điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Đại P từ: 3(ba) năm đến 3(ba) năm 6(sáu) tháng tù về tội “ *Trộm cắp tài sản*”.

Các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

- Về dân sự:

Anh Phạm Bắc Tr (bị hại vụ thứ nhất) yêu cầu được bồi thường 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); anh NgUễn Thành P (bị hại vụ thứ hai và thứ chín) yêu cầu được bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); bà Đoàn Thị Mai P (bị hại vụ thứ tư) yêu cầu được bồi thường 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); chị Trịnh Thị Kiều Tr (bị hại vụ thứ năm) yêu cầu được bồi thường 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng); bà Trần Thị H (bị hại vụ thứ sáu) yêu cầu được bồi thường 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); bà NgUễn Thị Hồng H (bị hại vụ thứ bảy) yêu cầu được bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); bà Đặng Thị Kim C (bị hại vụ thứ tám) yêu cầu được bồi thường 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng); chị NgUễn Thị H (bị hại vụ thứ mười) yêu cầu bồi thường 89.495.000 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng); riêng ông NgUễn Kiên C (bị hại vụ thứ ba) không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường với mức yêu cầu của các bị hại; đề nghị buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu. Đối với số tiền các bị cáo đã bán tài sản trộm cắp tại nhà bị hại NgUễn Kiên C là: 1.970.000đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính, cần buộc các bị cáo phải nộp để sung công.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị tUên trả lại cho bị cáo P chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GT-S5360, màu đen-bạc, số Imel 910742; giấy Chứng minh nhân dân, Thẻ đoàn viên là tài sản và giấy tờ tùy thân của bị cáo P, không liên quan đến hành vi trộm cắp do P thực hiện. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, số tiền này là tiền do bị cáo P bán tài sản trộm cắp mà có, cần giữ lại để B đảm thi hành án trả lại cho bị hại.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, qUết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trU tố đã thực hiện đúng về thẩm qUền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, qUết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, qUết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt của người bị hại: anh Phạm Bắc Tr, anh NgUễn Thành P, anh NgUễn Kiên C, chị Đoàn Thị Mai P, chị Trịnh Thị Kiều Tr, chị Trần Thị

H, bà Nguyễn Thị Hồng H, chị Đặng Thị Kim C, chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Đình D; anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Vũ Quốc U tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại; kết luận giám định; biên bản về người phạm tội ra “Đầu thú”, “Tự thú” và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong thời gian từ ngày 02/9/2018 đến ngày 09/4/2019 các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P đã cùng nhau thực hiện 10 (mười) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 149.529.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*), nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”, được qU định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Trần Minh T, có 02 tiền án (Về tội: “*Cướp tài sản*”, tại Bản án số 74/2011/HSST và tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án số 49/2017/HSST), chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên còn phạm vào tình tiết định khung tăng nặng: “*Tái phạm nguy hiểm*”, được qU định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 và Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự qU định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội qU định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là P tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là B vật quốc gia;

*g) **Tái phạm nguy hiểm**”.*

....

Các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P cùng nhau thực hiện 10 vụ trộm cắp, nhưng các bị cáo không lấy việc phạm tội là P tiện kiếm sống, vì vậy Viện

kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku không trU cứu các bị cáo phạm vào tình tiết định khung: “*Có tính chất chUên nghiệp*”, theo qU định tại điểm b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi lén lút, đột nhập chiếm đoạt tài sản của người khác do các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P thực hiện chiếm đoạt được là 13.670.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các loại tài sản khác (máy tính xách tay, đồng hồ, điện thoại, nữ Tr bằng vàng...) có giá trị 135.529.000đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng), là ngU hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, đã xâm phạm đến qUền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự B vệ, đã bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku trU tố về tội “Trộm cắp tài sản”, là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đây là vụ án có nhiều đối tượng tham gia thực hiện nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có một mức án phù hợp với hành vi vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Các bị cáo đều là những thanh niên khỏe mạnh nhưng vì chây lười lao động, tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả; hơn nữa các bị cáo còn có sử dụng ma túy nên khi nhìn thấy sơ hở, mất cảnh giác của người dân mà các bị cáo đã cơ hội đột nhập để thực hiện trộm cắp tài sản. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng, rủ P thực hiện hành vi 04 vụ và giúp sức cho bị cáo P thực hành tội phạm 06 vụ. Còn bị cáo P khởi xướng, rủ T 06 vụ và giúp sức bị cáo T thực hành tội phạm 04 vụ.

Tất cả các bị hại khi có được tài sản, họ đều phải dựa trên sức lao động và sự tích lũy mới có được, nhưng khi các bị cáo chiếm đoạt tài sản của các bị hại đã mang đi bán với một số tiền không lớn, mục đích lấy tiền chỉ để chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng. Các bị cáo liên tiếp thực hiện phạm tội đã gây Hng mang bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015, cần áp dụng cho các bị cáo khi qUết định hình phạt.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian dài nhằm giáo dục, cải tạo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật, lao động chân chính và nhằm trấn an dư luận, cho nhân dân yên tâm làm ăn, sinh sống, mặt khác là để răn đe cho những ai đang và có ý định xem thường pháp luật.

TU nhiên, sau phạm tội các bị cáo đã ra “Đầu thú” và “ Tự thú” khai về các vụ trộm từ ngày 02/9/2018 đến ngày 06/4/2019, “Thành khẩn khai báo”, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qU định tại các điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo khi qUết định hình phạt, để các bị cáo thấy được sự kHn hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

[3]. Các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền.

[4]. Đối với ông NgUễn Thanh T – là chủ cửa hàng điện thoại T Thế Giới; ông NgUễn Vũ Quốc U – là chủ hiệu vàng P TH, là những người đã mua điện thoại di động, máy tính xách tay, nữ Tr bằng vàng do các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P trộm cắp được mang đến bán, qua điều tra không có căn cứ kết luận khi mua tài sản do các bị cáo T và P mang đến bán ông T và ông U biết rõ là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku không có căn cứ để xem xét, xử lý về hình sự đối với ông T và ông U về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với đối tượng nam thanh niên tên Queo, là người bị cáo Trần Đại P khai đã đổi 02 chiếc đồng hồ cho Queo để lấy ma túy sử dụng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P không biết rõ họ tên, địa chỉ của Queo, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chưa có căn cứ xử lý. Khi nào xác định được đối tượng tên Queo, Cơ quan điều tra sẽ làm rõ và xử lý sau.

[5] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 81F1-9568, số máy 8348815, số khung 8323266, là P tiện bị cáo Trần Đại P và Trần Minh T sử dụng ở các vụ trộm cắp thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ bảy, thứ tám và thứ chín, qua điều tra xác định là tài sản của ông Trần Đình D, ông D là cha của bị cáo P; việc bị cáo P sử dụng xe mô tô trên làm P tiện cùng đồng phạm đi trộm cắp tài sản, thì ông D không biết. Sau đó, bị cáo P đã bán xe mô tô này cho một người thanh niên, nhưng không rõ họ tên, địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đỏ-đen, biển số 81N5-6603, số máy 5P11109956, số khung 1109Y109954, là P tiện bị cáo T và P sử dụng ở các vụ trộm cắp thứ năm và thứ sáu, qua điều tra xác định là tài sản của bà NgUễn Thị Mộng L, bà L là mẹ của T; việc T sử dụng xe mô tô trên làm P tiện cùng đồng phạm đi trộm cắp tài sản, thì bà L không biết, nên Cơ quan điều tra không thu giữ, xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền, cụ thể: anh Phạm Bắc Tr, yêu cầu được bồi thường 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); anh NgUễn Thành P, yêu cầu được bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); bà Đoàn Thị Mai P, yêu cầu được bồi thường 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); chị Trịnh Thị Kiều Tr, yêu cầu được bồi thường 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng); bà Trần Thị H, yêu cầu được bồi thường 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); bà Đặng Thị Kim C (bị hại vụ thứ tám) yêu cầu được bồi thường 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng);

Tại phiên tòa bà NgUễn Thị Hồng H, yêu cầu được bồi thường 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); chị NgUễn Thị H và anh Lê Thiện B yêu cầu bồi thường 89.495.000 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng);

Các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của những người bị hại. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của những người bị hại và sự tự nguyện của các bị cáo là không trái pháp luật, vậy cần tUên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể: bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại số tiền:

72.247.500đồng (Bảy mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng); bị cáo P phải bồi thường cho các bị hại số tiền 72.247.500đồng (Bảy mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng), nhưng được trừ đi 1.000.000đồng (Một triệu đồng) tiền bị cáo P đã nộp trong quá trình điều tra.

Riêng đối với tài sản các bị cáo trộm cắp tại nhà bị hại anh NgUễn Kiên C là 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại Galaxy J7 Prime (G610F) màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Philip E106 màu đỏ và 170.000 đồng (Một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tài sản này các bị cáo đã bán, chiếc điện thoại Samsung bán được 1.700.000 đồng, điện thoại Philip bán được 100.000 đồng, cả hai đã chia nhau mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết. Về trách nhiệm dân sự anh NgUễn Kiên C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, vì vậy cần buộc các bị cáo phải nộp 1.970.000đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công, cụ thể: Trần Minh T phải nộp 985.000 đồng, Trần Đại P phải nộp 985.000 đồng.

[7] Vật chứng vụ án:

- Đối với các giấy tờ, tài sản do bị cáo Trần Đại P giao nộp tại cơ quan điều tra:

+ 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung GT-S5360, màu đen-bạc, số Imel 910742. Tại phiên tòa bị cáo P khai đã sử dụng chiếc điện thoại này dùng để làm P tiện liên lạc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy cần tịch thu sung công. Giấy Chứng minh nhân dân, Thẻ đoàn viên là giấy tờ tùy thân của bị cáo P, không liên quan đến hành vi trộm cắp, cần tUên trả lại cho bị cáo P;

+ Số tiền 1.000.000 đồng(Một triệu đồng) là tiền do P bán tài sản trộm cắp, tiếp tục giữ lại để B đảm thi hành án.

- Riêng đối với chiếc nhẫn và sợi dây chUên bằng kim loại màu vàng, P không xác định được đã chiếm đoạt của ai, ở đâu và vào thời gian nào. Cơ quan điều tra giữ lại chiếc nhẫn và sợi dây chUên bằng kim loại màu vàng, để tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau. Đối với tài sản này không kèm theo vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải qUết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUẾT ĐỊNH:

TUên bố các bị cáo Trần Minh T (tên gọi khác: Lý Ngọng) và Trần Đại P (tên gọi khác: Cu) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; các Điều 38; 50; 58; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 4(Bốn) năm 6(Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (13/5/2019).

- Áp dụng điểm c khoản 2 khoản 1 Điều 173; các Điều 38; 50; 58; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Đại P 3(Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (13/5/2019).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P liên đới bồi thường cho các bị hại số tiền: 144.495.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng), cụ thể:

+ Bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho anh Phạm Bắc Tr, số tiền: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng); anh NgUễn Thành P, số tiền: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); bà Đoàn Thị Mai P, số tiền: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); chị Trịnh Thị Kiều Tr, số tiền: 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng); bà Trần Thị H, số tiền: 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); bà Đặng Thị Kim C, số tiền: 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng); bà NgUễn Thị Hồng H, số tiền: 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng); chị NgUễn Thị H và anh Lê Thiện B, số tiền: 44.747.500 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng);

+ Bị cáo Trần Đại P phải bồi thường cho anh Phạm Bắc Tr, số tiền: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng); anh NgUễn Thành P, số tiền: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); bà Đoàn Thị Mai P, số tiền: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng); chị Trịnh Thị Kiều Tr, số tiền: 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng); bà Trần Thị H, số tiền: 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); bà Đặng Thị Kim C, số tiền: 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng); bà NgUễn Thị Hồng H, số tiền: 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng); chị NgUễn Thị H và anh Lê Thiện B, số tiền: 44.747.500 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng). Trừ đi số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bị cáo P đã nộp trong quá trình điều tra để bồi thường cho bị hại.

Buộc các bị cáo Trần Minh T phải nộp 985.000đ (Chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng), Trần Đại P phải nộp 985.000đ (Chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản đã trộm cắp tại nhà bị hại NgUễn Kiên C để sung công.

Kể từ ngày QUết định này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra qUết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bị cáo Trần Đại P: Điện thoại di động hiệu Samsung GT-S5360, màu đen-bạc, số Imel 910742; giấy Chứng minh nhân dân, Thẻ đoàn viên. TU nhiên bị cáo P còn phải đi chấp hành án phạt tù, vì vậy cần giữ lại giấy

Chứng minh nhân dân, Thẻ đoàn viên cho đến khi bị cáo Trần Đại P chấp hành xong án phạt tù thì trả lại cho bị cáo.

- Tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) do bị cáo P đã nộp trong quá trình điều tra, để thi hành án cho người bị hại.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/5/2020 của Cơ quan Công an thành phố Pleiku và Cục Thi hành án Dân Sự thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai).

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, g Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Minh T và Trần Đại P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Minh T phải nộp 3.612.375 đồng (*Ba triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm bảy lăm đồng*); bị cáo Trần Đại P phải nộp 3.562.375 đồng (*Ba triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bảy lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (22/6/2020) lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử P thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TP PleiKu;
- Công an TP PleiKu;
- Chi cục THA D.S TP Pleiku;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS/HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

